

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2023

MLTT: 1.490.000

TT	Họ và tên	Lương hệ số										BHXH trả thay lương	Ngày hưởng lương thực tế	Các khoản trừ vào lương 10,5%				Thực lĩnh	Ghi chú	
		Hệ số lương	PC CV	PC KV	PCT N	PC ưu dãi nghề	Số năm hưởng PCT NN (%)	Hệ số PCTNN	Số năm hưởng PCT TN VK (%)	Hệ số PCT N VK	Cộng hệ số			Tiền lương tháng	8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN			Cộng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+ 4+6+8+9	11	12	13	14	15	16	17=14+15+16	17	18

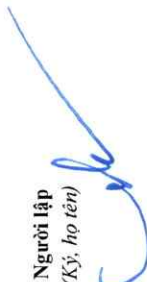
I. Lương cán bộ công chức, viên chức

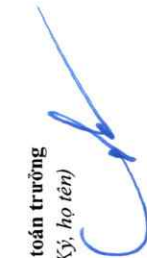
1	Phạm Thị Hiền	4,65	0,35	0,5		2,50	23	1,150			9,15	13.633.500		13.633.500	733.080	137.453	91.635	962.168	12.671.333	
2	Nguyễn Thu Hà	3,33	0,35	0,5		1,84	14	0,515			6,54	9.737.448		9.737.448	500.068	93.763	62.508	656.339	9.081.109	
3	Ngô Thị Phan	4,89		0,5		2,69	38	2,044	10	0,49	10,61	15.812.655		15.812.655	884.824	165.904	110.603	1.161.331	14.651.323	
4	Lê Thị Kim Oanh	4,89		0,5		2,62	34	1,779	7	0,34	10,13	15.089.874		15.089.874	835.745	156.702	104.468	1.096.915	13.992.959	
5	Trần Thị Hương	4,89		0,5		2,62	35	1,831	7	0,34	10,18	15.167.835		15.167.835	841.982	157.872	105.248	1.105.101	14.062.734	
6	Trần Thị Ánh	4,89		0,5		2,62	33	1,727	7	0,34	10,08	15.011.912		15.011.912	829.508	155.533	103.688	1.088.729	13.923.183	
7	Phạm Thị Nhân	4,89		0,5		2,62	33	1,727	7	0,34	10,08	15.011.912		15.011.912	829.508	155.533	103.688	1.088.729	13.923.183	
8	Đặng Thị Đình	4,65		0,5		2,33	22	1,023			8,50	12.662.020		12.662.020	676.222	126.792	84.528	887.541	11.774.479	
9	Đặng Thị Hậu	4,65	0,2	0,5		2,43	23	1,116			8,89	13.246.845		13.246.845	711.088	133.329	88.886	933.302	12.313.543	
10	Dương Thị Thu Hiền	3,66		0,5		1,83	16	0,586			6,58	9.797.644		9.797.644	506.076	94.889	63.259	664.224	9.133.420	
11	Nguyễn Thị Năm	3,99	0,15	0,5		2,07	20	0,828			7,54	11.231.620		11.231.620	592.186	111.035	74.023	777.244	10.454.376	
12	Lê Thị Hoa	3,66		0,5		1,83	16	0,586			6,58	9.797.644		9.797.644	506.076	94.889	63.259	664.224	9.133.420	
13	Đào Thị Lai	3,65		0,5		1,83	17	0,621			6,60	9.827.295		9.827.295	509.044	95.446	63.630	668.120	9.159.175	
14	Nguyễn Thanh Tâm	3,99	0,2	0,5		2,10	18	0,754			7,54	11.233.408		11.233.408	589.349	110.503	73.669	773.520	10.459.888	
15	Vàng Thị Kim Hoir	3,66	0,15	0,5		1,91	16	0,610			6,82	10.168.654		10.168.654	526.816	98.778	65.852	691.446	9.477.208	
16	Bùi Thị Hương	2,72		0,5		1,36	10	0,272			4,85	7.229.480		7.229.480	356.646	66.871	44.581	468.098	6.761.382	
17	Đặng Thị Hoa	3,65		0,5		1,83	15	0,548			6,52	9.718.525		9.718.525	500.342	93.814	62.543	656.699	9.061.826	

TT	Họ và tên	Lương hệ số										Các khoản trừ vào lương 10,5%						Thực lĩnh	Ghi chú	
		Hệ số lương	PC CV	PC KV	PCT N	PC ưu đãi nghề	Số năm hưởng PCT NN (%)	Hệ số PCTNN	Số năm hưởng PC TN VK (%)	Hệ số PCT N VK	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	BHXH trả thay lương	Ngày hưởng lương thực tế	8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN			Cộng
															14	15	16			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+6+8+9	11	12	13	14	15	16	17=14+15+16	17	18
18	Bé Thị Thân	3,66		0,5		1,83	12	0,439			6,43	9.579.508		9.579.508	488.625	91.617	61.078	641.320	8.938.188	
19	Bạc Thị Thanh	3,99		0,5		2,00	15	0,599			7,08	10.554.415		10.554.415	546.949	102.553	68.369	717.871	9.836.544	
20	Thái Thị Tuất	3,66		0,5		1,83	16	0,586			6,58	9.797.644		9.797.644	506.076	94.889	63.259	664.224	9.133.420	
21	Lò Thị Hưng	3,66		0,5		1,83	16	0,586			6,58	9.797.644		9.797.644	506.076	94.889	63.259	664.224	9.133.420	
22	Nguyễn T Tuyết Chinh	3,66		0,5		1,83	16	0,586			6,58	9.797.644		9.797.644	506.076	94.889	63.259	664.224	9.133.420	
23	Nguyễn Thị Biên	3,03		0,5		1,52	12	0,364			5,41	8.058.814		8.058.814	404.517	75.847	50.565	530.929	7.527.885	
24	Nguyễn Thị Hòa	3,66		0,5		1,83	11	0,403			6,39	9.524.974		9.524.974	484.262	90.799	60.533	635.594	8.889.380	
25	Đào Thị Tươi	3,66		0,5		1,83	15	0,549			6,54	9.743.110		9.743.110	501.713	94.071	62.714	658.498	9.084.612	
26	Thường Thị Quý	2,41		0,5		1,21	5	0,121			4,24	6.310.895		6.310.895	301.636	56.557	37.704	395.897	5.914.998	
27	Đoàn Thị Thủy	3,03		0,5		1,52	11	0,333			5,38	8.013.667		8.013.667	400.905	75.170	50.113	526.188	7.487.479	
28	Cà Thị Hiền	2,41		0,5		1,21	5	0,121			4,24	6.310.895		6.310.895	301.636	56.557	37.704	395.897	5.914.998	
29	Hà Thu Hiền	3,34		0,5		1,67	15	0,501			6,01	8.956.390		8.956.390	457.847	85.846	57.231	600.924	8.355.466	
30	Nguyễn Thị Lanh	3,34		0,5		1,67	11	0,367			5,88	8.757.326		8.757.326	441.922	82.860	55.240	580.023	8.177.303	
31	Phạm T. Thủy Mơ	4,65		0,50		2,33	22	1,023			8,50	12.662.020		12.662.020	676.222	126.792	84.528	887.541	11.774.479	
32	Lò Thị Thư	3,00		0,50		1,50	7	0,210			5,21	7.762.900		7.762.900	382.632	71.744	47.829	502.205	7.260.696	
33	Vũ Thị Rồi	3,66		0,50		1,83	17	0,622			6,61	9.852.178		9.852.178	510.438	95.707	63.805	669.950	9.182.228	
34	Nguyễn Thị Hoài	3,34		0,50		1,67	17	0,568			6,08	9.055.922		9.055.922	465.810	87.339	58.226	611.375	8.444.547	
35	Quàng Thị Yên	2,72		0,50		1,36	8	0,218			4,80	7.148.424		7.148.424	350.162	65.655	43.770	459.588	6.688.836	
36	Vũ Thị Thảo	2,72		0,50		1,36	6	0,163			4,74	7.067.368		7.067.368	343.677	64.440	42.960	451.077	6.616.291	
37	Vì Thị Hồng	2,72		0,50		1,36	6	0,163			4,74	7.067.368		7.067.368	343.677	64.440	42.960	451.077	6.616.291	
38	Lê Hoàn	3,46		0,5							3,96	5.900.400		5.900.400	412.432	77.331	51.554	541.317	5.359.083	
39	Phạm Thị Vân Anh	3,33	0,2	0,5	0,10						4,13	6.153.700		6.153.700	420.776	78.896	52.597	552.269	5.601.432	
	Cộng biên chế	143,82	1,60	19,5	0,1	70,14	x	26,234	x	1,86	263,26	392.251.477	0	392.251.477	20.682.621	3.877.992	2.585.328	27.145.941	365.105.537	
T. Lương lao động hợp đồng																				

Họ và tên	Lương hệ số										BHXH trả thay lương	Ngày hưởng lương thực tế	Các khoản trừ vào lương 10,5%				Thực lĩnh	Ghi chú
	Hệ số lương	PC CV	PC KV	PC N	PC ưu đãi nghề	Số năm hưởng PCT NN (%)	Hệ số PCTNN	Số năm hưởng PCT TN VK (%)	Hệ số PCT N VK	Cộng hệ số	Tiền lương tháng		8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN	Cộng		
B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+6+8+9	11	12	14	15	16	17=14+15+16	17	18
Nguyễn Thị Phương											4.380.600	4.380.600	350.448	65.709	43.806	459.963	3.920.637	
Đài Hữu Long											3.640.000	3.640.000	291.200	54.600	36.400	382.200	3.257.800	
Nguyễn Tiến Bình											3.640.000	3.640.000	291.200	54.600	36.400	382.200	3.257.800	
Cộng hợp đồng	0,00	0,00	0,0	0,0		x	0,000	x		0,00	11.660.600	0	932.848	174.909	116.606	1.224.363	10.436.237	
Tổng cộng	143,82	1,60	19,5	0,1	70,14	x	26,234	x	1,86	263,26	403.912.077	0	21.615.469	4.052.901	2.701.934	28.370.304	375.541.774	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Ba trăm tám bảy triệu bốn trăm sáu hai ngàn ba trăm bảy ba đồng chẵn./.

Người lập
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Văn Anh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Văn Anh

Điện Biên, ngày 4 tháng 12 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kiều Thanh Huyền